

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HC-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v khiếu kiện hành vi hành
chính không giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Cường

2. Ông Bùi Thế Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HC ngày 26 tháng 12 năm 2022 về “Khiếu kiện hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HC ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh B. (Có mặt)

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh B. (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Giáp Văn S, chủ tịch. (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện L, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 30/3/2022, UBND xã Đ ban hành Văn bản số 15/UBND-ĐCXD trả lời nội dung đơn đề nghị của bà (không phải đơn tranh chấp), trong đơn bà phản ánh

hành vi rào chắn, bịt lối đi vào ruộng canh tác của ông Nguyễn Văn T, thường trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện L, làm ảnh hưởng đến việc đi lại, sản xuất của bà, từ đó bà đề nghị xem xét, giải quyết cho gia đình bà có đường đi.

Bà cho rằng Văn bản số 15/UBND-ĐCXĐ trả lời không chính xác, thiếu căn cứ khách quan, thiếu cơ sở pháp lý, cụ thể:

- Nội dung trả lời có nêu thửa đất số 437, tờ bản đồ số 27 tại khu vực Ao Vò, thôn Tr thuộc quyền canh tác của gia đình ông T. Sau văn bản lại nêu gia đình ông Nguyễn Văn Tình xây tường bao để gạch xuống ruộng canh tác của ông T tại thửa 473. Hai thửa ruộng canh tác này là ở hai vị trí khác nhau.

- Trên bản đồ địa chính thể hiện diện tích đất tại thửa 473, tờ bản đồ số 27 là do UBND xã quản lý.

- Phần đất ông T mang cột ra chôn, rào chắn sát với ruộng của gia đình bà, chắn lối đi vào ruộng canh tác là phần lề đường giao thông nông thôn, là nơi sử dụng công cộng, không thể hiện đây là đất của bất cứ gia đình nào, mọi người dân đều có thể sử dụng. Hành vi rào chắn của ông T làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc gia đình bà sử dụng diện tích ruộng canh tác ở phía trong.

- Trong văn bản nêu ông T chôn dựng cột bê tông rào lại nhưng vẫn để lại trùng khoảng 1m để làm lối đi vào ruộng canh tác của nhà bà. Trên thực tế lối đi này còn chưa được 0,5m.

- Trong văn bản nêu lối đi chỉ là bờ ruộng chứ không phải đường đi nhưng không nói bờ ruộng rộng bao nhiêu mét.

- Trong văn bản nêu lối vào khu ruộng của gia đình bà là phần đất giáp ranh với đất ở (thửa số 430) của gia đình bà có chiều rộng giáp phần đường giao thông trụ thôn 0,69m và phần giáo ruộng canh tác của gia đình bà là 0,58m, đây là phần chân tường bao của gia đình bà thuộc đất thổ cư chứ không phải phần đường đi vào ruộng canh tác.

Không đồng ý với Văn bản số 15/UBND-ĐCXĐ, bà đã gửi đơn khiếu nại đến UBND xã, UBND huyện L, cụ thể: Đơn ngày 16/4/2022 gửi Chủ tịch UBND xã Đ; đơn ngày 16/5/2022, đơn ngày 09/9/2022 gửi UBND huyện L. Ngày 22/4/2022, Chủ tịch UBND xã Đ có báo bà đến làm việc, kết quả buổi làm việc ông Giáp Văn San trả lời bà là không trả lời đơn của bà bằng văn bản, không nhất trí với trả lời của ông San nên bà đã làm đơn gửi UBND huyện L. Đối với đơn khiếu nại ngày 16/5/2022, đơn khiếu nại ngày 09/9/2022, sau khi UBND huyện tiếp nhận đã chuyển đơn của bà về cho Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết. Song từ đó cho đến nay Chủ tịch UBND xã Đ vẫn chưa giải quyết đơn khiếu nại của bà theo quy định của Luật khiếu nại. Trong hồ sơ vụ án có tài liệu là: Văn bản số 60/UBND ngày 16/6/2022 do ông San ký trả lời, bà khẳng định không được nhận văn bản này; đối với biên bản làm việc ngày 10/6/2022, bà cũng không được báo đến làm việc.

Bà chưa được nhận văn bản số 60/UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch UBND xã Đ, tuy nhiên, qua việc sao chụp hồ sơ vụ án bà đã biết được nội dung văn bản, cụ thể văn bản đã trả lời: “*Chủ tịch UBND xã giữ nguyên nội dung đã giải quyết tại Văn bản số 15/UBND-ĐCXĐ ngày 30/3/2022, không xem xét, giải quyết*

gì khác”. Bà không đồng ý với nội dung trả lời tại văn bản số 60/UBND vì trả lời không khách quan, các căn cứ bà đưa ra giống như các căn cứ bà đã nêu trong đơn khiếu nại văn bản số 15/UBND-ĐCXD nên bà đề nghị Toà án xem xét văn bản số 60/UBND. Văn bản số 60/UBND cũng không phải là văn bản giải quyết khiếu nại, ngày 09/9/2022 bà vẫn tiếp tục có đơn khiếu nại nhưng vẫn không được giải quyết. Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án tuyên hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ là trái pháp luật, buộc Chủ tịch UBND xã Đ phải giải quyết khiếu nại của bà theo quy định, để sau này bà tiếp tục thực hiện quyền khiếu nại lần 2 tới Chủ tịch UBND huyện L.

Ngoài ra, bà đề nghị Toà án kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với ông Giáp Văn San đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao vi phạm khoản 1, 2, 3 Điều 6 Luật khiếu nại, vi phạm Điều lệ Đảng.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ trình bày:

Văn bản số 15/UBND-ĐCXD ngày 30/3/2022 của UBND xã Đ, giải quyết đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị H. Cụ thể đơn đề nghị của bà H gửi có nhiều nội dung, trong đó chủ yếu phản ánh hành vi rào chắn, bịt lối đi vào ruộng canh tác của ông Nguyễn Văn T, thường trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện L làm ảnh hưởng đến việc đi lại, sản xuất của bà H, từ đó bà H đề nghị xem xét, giải quyết cho gia đình bà có đường đi.

Theo địa phương nắm được gia đình bà H sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp: Thửa 396, 432, 474, tờ bản đồ số 27 khu vực Ao Vò, thôn Tr, xã Đ. Nguồn gốc 03 thửa đất này là do gia đình bà H đổi ruộng với người khác từ năm 1995. Giáp ranh với thửa 474 là thửa 473 thuộc quản lý của UBND xã Đ. Trước đây thửa 473 do 03 hộ gia đình sử dụng cấy rau muống, sau để lại cho ông T sử dụng. Bà H cho rằng ông T dựng rào chắn trên thửa 473 làm bịt lối đi vào thửa 474, ảnh hưởng đến việc máy cày không vào được thửa 474. Theo xác minh của UBND xã có sự việc ông T dựng cột bê tông và rào tại thửa 473, sau đó bà H đã dỡ cột bê tông để lấy lối đi vào ruộng canh tác thửa 474, tuy nhiên lối đi mà bà H phản ánh chỉ là bờ ruộng chứ không phải đường đi. Căn cứ bản đồ đo đạc năm 2009 lối đi vào thửa 474 là phần đất giáp ranh với đất ở thửa 430 của nhà bà H có chiều rộng phần giáp với đường giao thông trục thôn là 0,69m và phần giáp vào ruộng canh tác của nhà bà H là 0,58m. Trên cơ sở đó, UBND xã Đ ban hành Văn bản số 15/UBND-ĐCXD trả lời bà H. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục, căn cứ, nội dung giải quyết tại Văn bản số 15/UBND-ĐCXD là đúng quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Văn bản số 15/UBND-ĐCXD, bà H đã làm đơn khiếu nại, cụ thể là đơn khiếu nại ngày 16/4/2022. Để giải quyết đơn khiếu nại của bà H, Chủ tịch UBND xã đã báo bà H đến làm việc. Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 22/4/2022, qua xem xét thấy trong đơn không ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại không nêu rõ ràng, cụ thể. Do đó, Chủ tịch UBND xã Đ đã thông báo với bà H là không trả lời bằng văn bản cho bà H.

Sau đó, bà H tiếp tục làm đơn khiếu nại Văn bản số 15/UBND-ĐCXD lên UBND huyện L. Ngày 27/5/2022, UBND huyện Lang Giang ban hành văn bản số

1214/UBND-VP chuyển đơn khiếu nại ngày 16/5/2022 về cho Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 16/6/2022, Chủ tịch UBND xã Đ đã ban hành Văn bản số 60/UBND trả lời bà H, có nội dung giữ nguyên Văn bản số 15/UBND-ĐCXĐ. Sau khi ban hành Chủ tịch UBND xã Đ đã giao cho công chức xã gửi cho bà H. Nay bà H xác định không nhận được văn bản này, Chủ tịch UBND xã Đ đã kiểm tra lại thì không có tài liệu thể hiện đã giao cho bà H.

Ngày 16/9/2022, UBND huyện L ban hành văn bản số 2408/UBND-VP, chuyển đơn khiếu nại ngày 09/9/2022 của bà H về cho Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết theo thẩm quyền. Đối với đơn khiếu nại này, Chủ tịch UBND xã Đ đã có báo cáo trả lời cho UBND huyện tại văn bản số 56/BC-UBND ngày 25/10/2022, nhưng chưa thông báo cho bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu Toà án buộc Chủ tịch UBND xã Đ thực hiện hành vi giải quyết đơn khiếu nại, khiếu nại Văn bản số 15/UBND-ĐCXĐ ngày 30/3/2022 của UBND xã Đ. Quan điểm của Chủ tịch UBND xã Đ như sau: Chủ tịch UBND xã Đ là người có trách nhiệm giải quyết đơn khiếu nại của bà H, trong quá trình giải quyết có thiếu sót chưa gửi văn bản hoặc chưa giải quyết đảm bảo về trình tự thủ tục. Trường hợp, chưa giải quyết đơn khiếu nại của bà H theo quy định của Luật khiếu nại thì Chủ tịch UBND xã Đ sẽ khắc phục. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông có mối quan hệ họ hàng với ông Nguyễn Văn Phú, sinh năm 1961, địa chỉ ở thôn Tr, xã Đ, huyện L, tỉnh B. Vào năm 2006, ông có xin ông Phú để cho ông sử dụng phần đất mà ông Phú đang sử dụng thuộc thửa ruộng số 473, tờ bản đồ số 27 ở Ao Vò, thôn Tr, xã Đ, huyện L. Ông Phú đồng ý, từ đó ông sử dụng cây rau muống, trồng khi nước tại phần đất ruộng thuộc thửa 473, diện tích khoảng 40 m².

Nguồn gốc thửa ruộng 473 theo ông được biết: Từ khoảng năm 1985 - 1986, hộ ông Vũ Văn Ngải, hộ bà Giáp Thị Trọng khai Hng, bắt đầu sử dụng chủ yếu cây rau muống. Sau này, ông Ngải để cho con là ông Vũ Văn Đãi và bà Giáp Thị Tuyên sử dụng, bà Trọng để cho ông Nguyễn Văn Phú sử dụng. Trên bản đồ địa chính thì thửa 473 là đất của UBND xã. Thực tế theo ông được biết các hộ sử dụng thửa đất 473 cũng không phải thuê, nộp thuế cho UBND xã. Hiện nay thửa 473, có ông Đãi, bà Tuyên và ông sử dụng, bản thân ông cũng không phải nộp thuế sử dụng.

Vị trí phần đất ruộng thửa 473 ông sử dụng có tiếp giáp với thửa 432 và 474 của hộ bà Nguyễn Thị H, 475 của hộ ông Nguyễn Văn Tình, đường giao thông và phần đất còn lại thửa 473 do ông Đãi, bà Tuyên sử dụng.

Ông sử dụng ổn định phần đất thuộc thửa 473, cho đến khoảng tháng 8/2021 ông mới ra kiểm tra đất (vì trước đó một thời gian ông không ra) thì thấy có đồng gạch vỡ để ở vị trí đầu ruộng phần tiếp giáp với thửa 474, 475. Ông có hỏi ông Tình thì ông Tình có bảo là xây tường vành lao bao quanh thửa 475 nên thửa gạch vỡ mới xếp xuống vị trí phần đầu ruộng 473 của ông sử dụng. Khoảng đầu tháng 9/2021, ông có dùng thanh tre rào lại ruộng ở vị trí phần đầu tiếp giáp với thửa 474, 475 nhưng có để lại chiều rộng khoảng 01m để cho các hộ có đất ruộng bên

trong đi từ đường giao thông vào. Sau đó, bà H tự ý dỡ thanh tre đi nên ông mới dựng cột bê tông. Để trồng khi nước ông đã dọn gạch vỡ mà ông Tình để, ông dọn và để thành đống ở đầu bờ nhưng sau đó bà H nhô cột bê tông và nhặt gạch vứt dãi rác xuống đầu ruộng thửa 473 để bà H đi lại vào thửa 474.

Bà H làm đơn yêu cầu UBND xã Đ xem xét về việc ông có hành vi rào chắn, bịt lối đi vào thửa 474 của bà H. Thực tế khi ông nhận đất của ông Phú để sử dụng ở thửa 473 thì bờ ruộng bà H vẫn sử dụng để đi từ đường giao thông vào thửa 474 thì bờ ruộng đó chính là vị trí đầu bờ chung của thửa 473, 475, chiều rộng bờ khoảng 50cm. Bà H cho rằng bờ ruộng từ trước có chiều rộng đến 02m đủ để máy cày đi là hoàn toàn không chính xác. Năm 2021, do ông Tình xây tường vành lao nên ông cũng mới rào phân đầu thửa ruộng 473 để giữa các thửa có mốc sử dụng rõ ràng nhưng ông để chừa khoảng 01m cho bà H cũng như các hộ có ruộng bên trong để đi lại thuận tiện. Cho nên bà H cho rằng ông có hành vi rào chắn, bịt lối đi vào thửa 474 của bà H là không đúng. Sau khi bà H phá cột bê tông, dỡ rào, vứt gạch xuống thì ông vẫn để nguyên hiện Tr đất để cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Ông giao nộp cho Tòa án ảnh chụp ngày 24/4/2023 chụp hiện Tr (gạch vỡ mà bà H vứt xuống) vị trí đầu thửa ruộng 473 tiếp giáp thửa 474, 475 và đường giao thông và ảnh chụp trước ngày 08/10/2021 chụp vị trí đầu thửa ruộng 473 tiếp giáp thửa 474, 475 và đường giao thông (khi ông dựng cột bê tông và rào tre).

Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ; không tranh chấp pháp lý về thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Nội dung mâu thuẫn của đương sự là Chủ tịch UBND xã Đ có phải giải quyết khiếu nại hay không.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ là trái pháp luật, buộc Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết đơn khiếu nại của bà theo quy định của pháp luật để sau này bà tiếp tục thực hiện quyền khiếu nại lần 2 tới Chủ tịch UBND huyện L. Ngoài ra, bà đề nghị HĐXX xem xét kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với ông Giáp Văn San đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao vi phạm khoản 1, 2, 3 Điều 6 Luật khiếu nại, vi phạm Điều lệ Đảng.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ, ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố ý kiến của những người này trong quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; Điều 30 và khoản 1 Điều 31; Điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, Điểm c khoản

2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; các điều 8, 9, 17, 27, 28, 29, 30, 31, 32 của Luật khiếu nại; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện L là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch UBND xã Đ, huyện L phải giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chủ tịch UBND xã Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định pháp luật.

- Về yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về đối tượng khởi kiện:

Thấy rằng mục “kính gửi”, “nơi nhận” của Văn bản số 15/UBND-ĐCXD ngày 30/3/2023 của UBND xã Đ, huyện L, không ghi tên bà Nguyễn Thị H, mà ghi UBND huyện L, thanh tra huyện L. Như vậy, Văn bản số 15/UBND-ĐCXD là văn bản báo cáo cấp trên, mang tính nội bộ, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tuy nhiên, Văn bản số 60/UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch UBND xã Đ, trả lời bà H có nội dung “*Chủ tịch UBND xã giữ nguyên nội dung đã giải quyết tại Văn bản số 15/UBND-ĐCXD ngày 30/3/2022, không xem xét, giải quyết gì khác*”, Văn bản số 15/UBND-ĐCXD có nội dung trả lời ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà H nên Văn bản số 60/UBND được xác định là văn bản giải quyết lần đầu đối với đơn đề nghị xem xét lỗi đi của bà H.

Sau khi có các đơn khiếu nại ngày 18/4/2022 và ngày 16/5/2022, đến ngày 09/9/2022, bà H tiếp tục có đơn khiếu nại. Theo quy định tại Điều 5 Luật khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm phải giải quyết khiếu nại đúng thời hạn pháp luật quy định; trường hợp hết thời hạn giải quyết mà không giải quyết là không thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ.

Hành vi không giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của công dân. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính thì hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện L là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H khiếu kiện hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ, căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân huyện L có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà H có các đơn khiếu nại ngày 18/4/2022, ngày 16/5/2022, ngày 09/9/2022. Ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân huyện L nhận được đơn khởi kiện của bà H khiếu kiện hành vi hành chính không giải quyết khiếu

nại của Chủ tịch UBND xã Đ, là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện Chủ tịch UBND xã Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ, ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[5] Xét hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã Đ không giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H:

Tại đơn đề nghị ngày 12/9/2021 và các đơn tiếp theo bà H gửi UBND xã Đ có nội dung chủ yếu: Gia đình bà có thửa ruộng canh tác ở khu vực Ao Vò, thôn Tr, xã Đ. Từ trước đến nay có đường để máy móc đi vào phục vụ sản xuất nhưng đến ngày 04/9/2021 ông Nguyễn Văn T mang nhiều gai tảo đến rào lại, những ngày sau ông T lại đến chôn cột bê tông và chặt tre cùng nhiều gai tảo, xếp gạch, đào ụng rãnh dẫn đến gia đình bà không thể đưa máy móc vào để phục vụ sản xuất. Bà đề nghị UBND xã Đ xem xét, giải quyết cho gia đình bà có đường đi lối lại thuận tiện.

Căn cứ vào tài liệu là bản đồ địa chính, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Gia đình bà H quản lý, sử dụng thửa 474, tờ bản đồ số 27, diện tích 238,3 m², địa chỉ ở khu Ao Vò, thôn Tr, xã Đ; vị trí bà H phản ánh ông T có hành vi rào chắn, bịt lối đi là từ mép tường của thửa ruộng 475 kéo sang thửa 474 là 01m, từ mép bờ tường của thửa 474 kéo ra đường thôn là 2m25.

Ngày 30/3/2022, UBND xã Đ ban hành văn bản số 15/UBND-ĐCXD, báo cáo cấp trên về việc giải quyết đơn của bà H. Ngày 16/6/2022, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành văn bản số 60/UBND ngày 16/6/2022, mặc dù bà H chưa được nhận văn bản này, song qua xem xét thì thấy đây là văn bản trả lời bà H có nội dung “*Chủ tịch UBND xã giữ nguyên nội dung đã giải quyết tại Văn bản số 15/UBND-ĐCXD ngày 30/3/2022, không xem xét, giải quyết gì khác*”, Văn bản số 15/UBND-ĐCXD có nội dung trả lời giải quyết sự việc cụ thể. HĐXX thấy rằng: Văn bản số 60/UBND trả lời thống nhất nội dung giải quyết tại Văn bản số 15/UBND-ĐCXD, là văn bản hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm phát sinh, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà H, là văn bản giải quyết lần đầu đối với đơn đề nghị xem xét lối đi của bà H.

Sau khi bà H được nhận Văn bản số 15/UBND-ĐCXD, do không đồng ý với nội dung trả lời nên ngày 16/4/2022, bà H làm đơn khiếu nại, không được trả lời bà H tiếp tục làm đơn khiếu nại ngày 16/5/2022. Do Văn bản số 15/UBND-ĐCXD là văn bản nội bộ nên HĐXX không đặt ra xem xét đối với đơn khiếu nại ngày 16/4/2022, ngày 16/5/2022 (trước khi có văn bản số 60/UBND) của bà H, hành vi không giải quyết những đơn khiếu nại này. Đối với đơn khiếu nại ngày 09/9/2022 của bà H gửi Chủ tịch UBND huyện L, đã được chuyển về cho Chủ tịch UBND xã Đ để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 25/10/2022, Chủ tịch UBND xã Đ đã có báo cáo trả lời cho UBND huyện tại văn bản số 56/BC-UBND (đây là văn bản nội bộ), nhưng không ban hành văn bản nào trả lời khiếu nại của bà H.

Tại Điều 9 của Luật khiếu nại quy định thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Như vậy, đơn khiếu nại của bà H là trong thời hiệu khiếu nại.

Về thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại của bà H: Văn bản số 60/UBND ngày 16/6/2022 do Chủ tịch UBND xã Đ ký ban hành, căn cứ Điều 17 Luật khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc Chủ tịch UBND xã Đ.

Về việc thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của bà H: Đơn khiếu nại của bà H đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật khiếu nại, căn cứ quy định về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu được quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 của Luật khiếu nại, bà H xác định chưa được giải quyết khiếu nại là có cơ sở.

Từ các phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, HĐXX thấy Chủ tịch UBND xã Đ chưa giải quyết đơn khiếu nại của bà H theo quy định của Luật khiếu nại nên yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận.

Về việc bà H đề nghị HĐXX xem xét kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với ông Giáp Văn San đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao vi phạm khoản 1, 2, 3 Điều 6 Luật khiếu nại, vi phạm Điều lệ Đảng. HĐXX thấy rằng: Thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật Chủ tịch UBND xã Đ thuộc UBND huyện L; tại khoản 3 Điều 196 Luật tổ tụng hành chính quy định “3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp, gửi bản án đã có hiệu lực pháp luật cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp, **cơ quan cấp trên trực tiếp của người bị kiện.**” Do đó, HĐXX không kiến nghị, mà sau này bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án sẽ thực hiện gửi bản án cho UBND huyện L để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên Chủ tịch UBND xã Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 204, Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; Điều 30 và khoản 1 Điều 31; Điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, Điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các điều 8, 9, 17, 27, 28, 29, 30, 31, 32 của Luật khiếu nại;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện L là trái

pháp luật. Buộc Chủ tịch UBND xã Đ, huyện L phải giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Chủ tịch UBND xã Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000964 ngày 22/12/2022 của Cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- UBND huyện Lạng Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mai Lan